

NỢ ĐỜI MỘT NỬA – MỘT NỬA NỢ ƠN EM

(*Viết cho em và những người vợ lính trung hậu*)

Phạm Tín An Ninh

Thời còn đi học, lang thang từ Nha Trang đến Sài Gòn, dù con nhà nghèo, học tạm tạm, và nhan sắc dưới trung bình, tôi cũng đã mang tiếng đào hoa, cho nên có muốn kéo dài thêm cái đời học trò để được mơ mộng đủ thứ chuyện dưới biển trên trời thiên hạ cũng đâu có cho. Rồi có phải thuộc giòng hào kiệt gì đâu, tôi cũng xếp bút nghiên theo việc kiếm cung. Nói kiếm cung cho nó vẻ oai phong và văn chương, chứ thực ra tôi vào lính, mà lại là thứ lính hạng bét thì làm gì có kiếm với cung. Có phải lính tàu bay tàu thủy gì đâu, mà là lính đi bộ. Lúc băng rừng lội suối, mặc bộ đồ trận hồi hám cả tuần không tắm, tôi ghét cay ghét đắng cái ông nào là tác giả cái câu “*Bộ Binh là nữ hoàng của chiến trường*” mà tôi đã đọc được ngay từ khi mới vào quân trường, đếm bước một hai để hát bài “*đường trường xa*”. Khổ thì khổ vậy, chứ mấy cô gái bé bỏng hậu phương lại mê lính trong mấy bản nhạc của ông Nhật Trường. Vì “*nếu em không là người yêu của lính, ai thương nhớ em chiều rùng hành quân, ai băng gió sương cho em đợi chờ, và giữa chốn muôn trùng ai viết tên em lên tay súng ? ..*”. Nhờ vậy, trong mấy năm đóng quân dọc đường số 1, nơi nào tôi cũng để lại vài mối tình con. Tôi nghĩ đời lính như vậy mà vui, thì thôi chớ tính chuyện vợ con làm gì cho nó vương chân vương cẳng. Hơn nữa tôi cũng hiên ngang với đám con gái lắm, thì làm gì có chuyện “*chết trong mắt em*”.

Vậy rồi trời xuôi đất khiến thế nào, sau mấy năm đánh đắm ở Quảng Đức, Ban Mê Thuật rồi Bình Định, Phú Yên, đơn vị tôi được mấy cái tàu há mồm chở vào bờ xuống bãi biển Nha Trang vào lúc đường phố mới lên đèn. Tôi thấy lòng lâng lâng sung sướng vì không khí yên bình của thành phố biển, mà cũng vì tưởng mình đã được trở về với những “hang động tuổi thơ” của ông nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng. Nào ngờ, khi còn mãi mê với mộng寐, tôi bị đánh thức lúc nửa đêm cùng đơn vị leo lên một đoàn xe máy chục chiếc để tiếp tục “hát khúc quân hành”. Đoàn xe ra khỏi thành phố, qua Ty Thông Tin, ra quốc lộ 1, trục chỉ hướng bắc. Tôi lại mừng thầm, nghĩ là sẽ được về dưỡng quân ở Huấn khu Dục Mỹ. Nhưng tôi đã “ước tính tình hình” sai bét. Đoàn xe dừng lại tại bùng binh, ngã ba Ninh Hòa. Một tiểu đoàn lính đổ xuống cái thị trấn còn đang say ngủ. Đại đội tôi nhận lệnh vào đóng quân trong sân vận động. Sáng hôm sau tôi rủ mấy thằng bạn, quần áo chỉnh tề, ra phía trước “thăm dân cho biết sự tình”.

Thấy một ngôi nhà mở cửa, bọn tôi bước vào làm quen. Chủ nhà là một cô gái nhỏ nhỏ dễ thương, mời đón mấy thằng lính trời ơi đất hỡi mà miệng vui cười, e thẹn nhìn tôi bằng cặp mắt nai tơ. Vậy mà thằng lính ngang tàng như tôi lại chết trong đôi mắt ấy. Bắt đầu từ một chuyện tình cờ như vậy đó, mà tôi trở thành chú rể của Ninh Hòa hơn một năm sau. Trường Trần Bình Trọng cũng vừa có một cô học trò bỏ trường, bỏ lớp, bỏ bạn bè và bỏ cả đội múa “**Trăng Mùng Luông**”.

Bây giờ cứ mỗi lần đọc bài thơ của ông nhà thơ Quan Dương, người Ninh Hòa, là tôi nhìn thấy có tôi trong đó :

*Hồi nhỏ tôi rất anh hùng
Một mình dám nhảy cái đùng xuống sông
Bơi nghiêng, bơi giữa giữa dòng
Hiên ngang trấn giữ một vùng tuổi thơ
Lớn lên trở chứng ngu khờ
Mắt em nào phải bến bờ sông sâu ?
Cớ sao chưa kịp lộn nhào
Đành chịu chết đuối, thiệt đau đúng là..*

Nàng làm vợ lính đúng tám năm. Tám năm khôn khổ lo âu. Vì lúc nào cũng có thể trở thành góa phụ. Đã vậy đứng ở Ninh Hòa lúc nào nàng cũng nhìn thấy hòn núi Vọng Phu sừng sững cuối chân trời! Nhưng rồi nàng không trở thành góa phụ mà lại trở thành tù phụ. Con sóng bất ngờ phủ xuống miền Nam, cuốn nàng theo cùng những người có chung số phận. Thân phận bọt bèo với một đàn con dại, cô học trò Trần Bình Trọng bé nhỏ ngày nào bây giờ phải một mình chống chọi với phong ba.

Riêng tôi, một thằng lính bất ngờ thua trận thì chuyện tù đầy nào có than chi. Chỉ tội nghiệp cho người tình bé nhỏ ngày xưa. Tôi tự trách mình, giá mà ngày đó tôi đứng ra khỏi cái sân vận động, không gặp nàng, thì biết đâu nàng chẳng tìm lại một cố nhân nào đó – bây giờ đã là một ông quan hải quân, sẽ đưa nàng xuống tàu ra khơi đi tìm vùng đất hứa.

Rồi nàng bỗng dưng trở thành con cò lặn lội bờ sông của ông Trần Tế Xương, để nuôi đủ sáu con với một chồng – ông chồng gần tám năm biệt ở các trại tù Lào Cai, Yên Bái.

Tôi còn nhớ lúc ở trong tù, tôi may mắn nằm bên cạnh nhà thơ lớn Tô Thùy Yên. Tôi rất quý anh vì anh là một người tù có tư cách. Thấy tôi dốt nát mà cũng thích thơ văn, anh làm tặng tôi một bài thơ khá dài và hay lắm. Nhưng lúc bị cai tù kiểm tra, tôi nhát gan nên bỏ cả bài thơ vào miệng nhai nát rồi nuốt vào cái dạ dày đang đói. Vì vậy tôi không còn nhớ hết mà chỉ thuộc lòng mấy câu viết về nàng:

*Tám năm áo rách bao nhiêu lượt
Em vá chồng lên những nỗi niềm.
Tì thuở anh đi nhà tróc nóc
Con thơ đâu còn biết vui cười
Cô gái Ninh Hòa, thương quá đổi
Một mình chèo chống giữa phong ba*

Ra khỏi trại tù, dường như tôi chỉ đem về cho nàng hem những đấng cay. Với một người chồng còn mang đầy những vết thương cả trên thể xác lẫn tâm hồn, cùng một đàn con thơ

dại, giữa một xã hội chất chồng thù hận, nàng biết xoay xở làm sao? Cuối cùng, nàng phải cùng chồng con, đem sanh mạng đánh một canh bạc cuối cùng.

Có lẽ ông trời không phụ hèm nàng. Chuyến đi vội vã, chuẩn bị chưa xong, rồi cũng đến được bến bờ. Trong lúc bao nhiêu người tìm cách tận hưởng hạnh phúc của một điều tưởng chừng may mắn nhất của con người, hoặc ít ra cũng ngơi nghỉ để hoàn hồn từ cõi chết, nàng lại tiếp tục làm kiếp con cò trong một vùng hèm tuyết mênh mông, lo lắng cho con, để cho chồng học hèm vài ba chữ và vác ngà voi chạy đủ thứ chuyện bao đồng..

Bây giờ những đứa con đã trưởng thành. Nàng chiều chồng để cho mỗi đứa tự chọn đất nước nào nó thích mà dung thân. Mỗi đứa một phương trời. Nàng lại là một hậu phương cho các con đi vào trận mới. Ngôi nhà trở nên trống vắng. Cuối cùng nàng cũng chỉ còn có tôi, người lính thất trận năm nào, đã mang đến cho nàng biết bao là hệ lụy. Dư âm cuồng nộ của những cơn dông bão năm nào dường như vẫn còn đâu đó trong giấc ngủ của riêng nàng.

Tuổi sắp già, mà tôi còn mang nhiều món nợ. Biết làm sao trả cho xong. Nợ núi sông, nợ máu xương bè bạn. Mà khổ thay, tôi thì cứ mãi là thằng lính hèn mọn, bạc tình. Và tôi còn nợ nàng, nợ Ninh Hòa. Mảnh đất hiền hòa đã cho tôi một người vợ chung tình, cùng tôi qua bao cuộc biển dâu.

TRONG LAO TỪ CS

(tiếp theo và hết)

kiểu công cụ - k22

Trại Nam Hà B và C thuộc Hà Nam Ninh.

Cao Phát Minh, Nguyễn Phúc Sinh, Phạm Văn Hải và tôi cùng đi chung. Phú Tài và Kim Trọng vẫn còn đi chung với nhau. Cũng còn rất nhiều người bạn mới. Đi ngược lại con đường cũ và những chuyến xe lửa cũng nhét đầy người. Toàn thể chín trại thuộc Liên Trại 1 đều giải thể và chuyển về phía Nam. Lý do mà sau khi về trại mới chúng tôi được biết là: Đàn em Việt Cộng bị đàn anh Trung Cộng dạy cho một bài học. Đặng Tiểu Bình đã xua quân tiến đánh sáu tỉnh vùng biên giới là Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Lào Cai, và Lai Châu. Hang Pác Pó thuộc bản Giỏi (Hà Quảng), đầu nguồn của sông Bằng Giang, đã bị đám Tàu ô phá nát, đánh tan cái huyền thoại của một tên tội đồ của dân tộc là HCM. Những trại ở miền cực Bắc được dời hết về phía Nam và giao lại cho công an quản lý. Quân đội chuyển lên phía Bắc để đánh nhau với Tàu.

Chúng tôi lại trải qua những ngày thê thảm nhất trong tù với những tên sát máu nhất, được gọi là công cụ của chế độ và chúng tôi gọi bọn chúng là “chèo”, đảm công an nữ là “chèo cái”.

Điều quan trọng nhất của bọn chúng là kiểm soát tù nhân. Hằng ngày sau khi đi làm về, sau khi ăn cơm trưa hoặc chiều là chúng điễm danh và đưa họ vào trong phòng khóa chặt cửa lại. Thời kỳ này te tua, đói thê thảm. Không có gì để cải thiện. Chi lén lút đem quần áo cũ đổi lấy nắm cơm, hoặc nắm xôi

với dân.

Gạo miền Nam phải đem trả nợ cho Trung Cộng. Phạm Văn Đồng phải qua Ấn Độ xin viện trợ, mà nước này cũng phải nuôi lượng dân số khổng lồ nên chỉ cho được mấy trăm tấn bo bo. Bo bo là một loại hạt tròn như hạt bắp, có vỏ bọc ngoài rất dai như nylon, dùng để nuôi ngựa. Nhà bếp phải bỏ thêm vôi vào hầm cho mềm nhưng không tãi nào được. Chỉ có bao tử ngựa mới tiêu thụ nổi, còn con người thì chịu thua. Ở ngoài dân thì người ta đem xay đi tước bỏ vỏ thành bột và làm bánh. Còn ở đây thì ăn vào bao nhiêu là cho ra hết bấy nhiêu.

Bên ngoài dân cũng te tua. Đói tiền đợt hai, rồi đợt ba,...

Đồ Mười xắn tay áo lên để đánh tư sản miền Nam. Đồng ruộng miền Nam bị đưa vào hợp tác xã nông nghiệp. Khẩu hiệu được Lê Duẩn đưa ra học tập là tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên cái gọi là “Chủ Nghĩa Xã Hội”. Lê Đức Anh xưa quân qua Cambodia nói là tiêu diệt bọn diệt chủng Pon Pot, Ieng Sary,... làm nghĩa vụ quốc tế, v.v..

Dân chúng nghèo đói xơ xác. Kinh tế kiệt quệ. Nhiều thành phần dân chúng bị chúng đưa vào nhà tù như giới văn nghệ sỹ, trí thức, tôn giáo,...

Cả đất nước này biến thành nhà tù vĩ đại.

Dân chúng đành phải bỏ nước ra đi. Tìm cái sống trong cái chết. Thảm cảnh biển Đông là một bản cáo trạng đối với chế độ Cộng Sản.

Ta hãy nghe Tô Thùy Yên đơn thảo vài nét về cái xã hội đó như sau:

*Kẻ chiếm đóng bày tòa ra giữa chợ,
Giải người ra, sỉ mạ ba đời.
Cho đeo băng dong đi khắp phố,
Bắn bỏ bên đường, cảm nhận thay.
Chĩa súng đuổi người ra khỏi đất
Đày đi biên biệt miệt muôn thu
Đuổi cả người chết ra khỏi mộ*

Cày nghĩa trang trả mối thâm thù.

Trong tù có thêm nhiều năm mờ mịt. Trại Nam Hà gồm có 4 trại: A, B, C, và trại Mẽ. Được thành lập từ lâu trong vùng núi đá vôi và đá tai mèo nhọn hoắc. Mùa Hè thì hơi vôi như bị nung lên nóng hừng hực, nồng nặc. Mùa Đông thì lạnh cóng. Thời tiết ở đây thay đổi bất chợt nên có nhiều người bị bệnh suyễn.

Ở trại C khoảng hai tháng, tôi được chuyển vào trại B trong hốc núi.

Nguyễn Phúc Sinh, Cao Phát Minh, Phạm Văn Hải, những người bạn cùng khóa, cũng có mặt ở đây. Có một số sĩ quan trước đây bị bắt tại Hạ Lào trong cuộc Hành Quân Lam Sơn 719 từ năm 1971. Họ, không được trao trả sau hiệp định ngưng bắn 27/1/1973, bây giờ chuyển qua diện “cải tạo”. Một vài người tôi quen như Chung Tử Bửu (Trung Úy Không Quân), con của Ông Bà Mục Sư Chung Khâm Lộc và Trần Văn Hiến, Trung Úy Viễn Thám TQLC,... vẫn còn khỏe mạnh và lập trường Quốc Gia của họ không có gì thay đổi.

Việt Cộng chiếm được miền Nam nhưng chúng không bao giờ chiếm được lòng của dân miền Nam. 25 năm rồi đã khẳng định điều đó, mặc dầu nổi căm giận có voi đi nhưng sự khinh bỉ vẫn còn đó. Chúng vẫn là những con chó ghẻ trong căn nhà Việt Nam.

Hằng ngày sau khi đi làm về, chúng tôi có nửa giờ ăn cơm. Sau đó tên trực trại xuống điếm danh, rồi chúng lùa vào trong buồng giam, khóa trái cửa lại. Công việc ở đây gồm có: Đập đá, làm ruộng, và trồng rau. Đội đập đá gồm những người chúng cho là cứng đầu như Vũ Xuân Thông, Hoàng Vũ Duyên, Nguyễn Phú Tài,...

Làm ruộng thì gồm những người còn đủ sức để kéo cày thay trâu. Nhiều khi phải đi gánh mạ, cấy thuê cho hợp tác xã ngoài dân. Tôi ở đội này. Ổn nhất là những ngày mùa Đông mà phải dầm mình xuống ruộng kéo cày. Cái đám đĩa đói cứ dãn hàng ngang mà tấn công những người tù đói ăn. Người

đã gầy còm trơ xương mà lại bị đĩa hút máu. Gặp những con đĩa có chữa thì không có cách gì để cầm máu lại được nên nó cứ rỉ ra hoài. Mùi tanh của máu càng làm cho những con khác phóng tới như những con cá mập... Cũng có điều an ủi là làm ruộng thì bắt được con cua, con ốc, con ếch, hay những con rắn nước...

Sức khỏe ngày càng suy sụp. Nhiều người chết được đội đập đá đem chôn ở khu mả vô. Số người khai bệnh ngày càng đông nhưng số người được ở nhà theo chỉ tiêu, đa số là những người nằm liệt giường hoặc chờ chết. Bác Sĩ Ngô Văn Nhâm, trước năm 1975 ông là trung tá trung tập, sau đó là một thượng nghị sĩ, bị bắt đưa ra Bắc trong đợt đầu tiên. Trước tình trạng tử vong ngày càng tăng, Ông đề nghị với tên trại trưởng một giải pháp duy nhất là phải cho thăm nuôi. Tên này nói rằng:

- Đảng và nhà nước đã lo cho đầy đủ nhưng tại vì sau chiến tranh đất nước ta còn nhiều khó khăn. Mà khó khăn là tạm thời và thuận lợi là căn bản. Các anh phải biết khắc phục thôi.

Đúng là đường lối và chủ trương của bọn chúng mà thôi. Bên ngoài người dân cũng đói khổ, bị đưa vào bước đường cùng. Tất cả phải đành lòng bỏ nước ra đi. Cả thế giới cũng phẫn nộ trước sự tàn ác dã man của bọn chúng. Ngay cả những nước sẵn sàng yểm trợ bọn chúng trong cuộc chiến ở Việt Nam như Na Uy, Thụy Điển, Hòa Lan, Pháp, các nước Âu châu... bây giờ đã nhìn thấy rõ bộ mặt thật của bọn chúng. Cả thế giới hoàn toàn ủng hộ người Việt bỏ nước ra đi. Tất cả mở rộng vòng tay tiếp nhận những người Việt đến định cư mà nước Mỹ đã thu nhận nhiều nhất nhờ những vận động của cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Những trại tỵ nạn được dựng nên ở Mã Lai, Phi Luật Tân, Nam Dương, Hồng Kông, Thái Lan.

Người ta đi tìm con đường sống trong tử lộ. Phong trào thuyền nhân kéo dài trong nhiều năm. Người Mỹ đã cho những tàu đến gần biển Đông. Chính phủ Mỹ cũng vận động với VC để đưa những người của chính quyền cũ bị giam giữ

trong những trại cải tạo được đến định cư tại Mỹ. Đó cũng là lý do mà sau này gia đình tôi đã ra đi.

Ở trong nước, chúng muốn nắm chặt cái bao tử để nắm chặt con người. Trong những quốc gia có chế độ độc tài toàn trị như những chế độ Cộng Sản, thì đây là nguyên tắc cai trị căn bản của bọn chúng.

Ở đây không có cách gì để cải thiện được. Từ cọng rau hạt muối cũng không. Đi đâu cũng có những con mắt cú vọ của bọn quản giáo và vệ binh. Năng suất lao động không thể nào đáp ứng theo yêu cầu của chúng được. Số người khai bệnh ngày càng tăng. Đói khát, bệnh hoạn, chết chóc làm cho mọi sinh hoạt của trại như ngưng đọng lại. Những người tù cũng đâm ra ù lì. Chẳng còn cái gì để mà sợ hãi nữa. Trước tình trạng đó chúng phải cho gia đình thăm nuôi. Tôi nghiệp những người Mẹ, người Chị, người Vợ,... phải đem bán những gì còn lại để cứu sống những người tù.

Hôm gặp vợ tại nhà thăm, tôi không cầm được nước mắt. Vợ tôi năm đó mới 33 tuổi mà ốm nhom vì bệnh suyễn. Cái bàn rộng, mỗi người ngồi một bên, không cầm được tay nhau. Thăng công an ngồi ở giữa, nó đang vênh cái tai ra nghe ngóng. Tôi hỏi thăm tin tức ở nhà, việc học hành của hai con Cường Thảo. Tụi tôi ngồi nhìn nhau nhiều hơn nói. Nước mắt cũng đành tròng. Từ ngày cưới nhau, tôi chưa bao giờ thấy Ngọc Tuyết khóc, ngay cả những ngày tôi đi vào cuộc chiến khốc liệt nhất. Nhưng lần này tôi biết Tuyết rất đau đớn ở trong lòng.

Mới 5 năm mà cuộc đời sao quá nhiều thay đổi. Năm năm xa cách chỉ gặp nhau được nửa giờ. Lặn lội từ Nam ra Bắc hơn 2.000 cây số mà chẳng nói được một câu trọn vẹn. Cái chế độ gì mà tội tệ bất nhân.

Những đợt thăm nuôi sau đó xảy ra ồ ạt. Ngày nào cũng có 5, 6 người được thăm. Có người chở cả hai xe cải tiến. Số lượng quà trên 100 kg. Tù được nuôi bằng cơm gạo của chính gia đình mình. Đám cai tù cũng được hưởng lây. Chúng bán

rau, thịt, bánh, đủ cả... Khu chợ trời buổi chiều gần công ra vào ồn ào náo nhiệt kẻ bán người mua. Dĩ nhiên là cái giá cắt cổ. Tủ thiếu thốn lâu ngày nên chấp nhận tất cả. Mỗi buổi đi lao động, đám quần giáo, vệ binh cũng được cho ăn và thuốc hút. Chúng đâm ra dễ dãi. Thôi thì tụ năm tụ ba bàn đủ thứ, nhất là những tin tức từ thăm nuôi.

Không khí trong trại đã thay đổi. Một luồng sinh khí mới bùng lên. Nhưng có một điều mọi người không thể quên. Đó là cái vị trí hiện tại của mình. Cũng không quên được những ngày nhục nhằn, đói khổ, những tàn nhẫn ác độc của chế độ. Niềm căm giận đó vẫn nung nấu ở trong lòng. Tất cả toát ra thành những tù khúc và những bài thơ đấu tranh.

(Những bài hát..)

Này em!

Ta không quên đâu những ngày thù hận,

Này em,

Ta không quên đâu mối thù muôn đời.

Và dù không là gì cả ,

Cũng xin làm đôi giày dũng sĩ,

Trở về dậm nát tim kẻ thù...

(Những bài thơ)

Sài Gòn của ta,

Chúng nó không có quyền đổi họ thay tên

Em vẫn đẹp huy hoàng, Mắt em vẫn sáng,

Má em vẫn hồng, Môi em vẫn đỏ

Nét kiêu sa diễm lệ tuyệt vời

Hỡi Sài Gòn!

Hỡi người tình muôn thuở của ta ơi.

Còn TỰ DO nghĩa là không còn loài QUI ĐỒ

Còn CHÚNG TA nghĩa là không còn CHÚNG NÓ...

Dã man, dối trá, độc ác của chế độ phi nhân này được lột trần trong lời thơ, tiếng hát. Ban đêm khi đám cai tù khóa cửa buồng lại thì những sinh hoạt bắt đầu. Từng nhóm ngồi ca những bản tù khúc hay những bản nhạc cũ. Nguyễn Đức Bông,

Biệt Động Quân Khóa 21 Đà Lạt, có giọng ca vàng. Chung Tử Bưu là nhạc sĩ và là ca sĩ. Những tên vệ binh thường men đến gần cửa sổ để xin thuốc, đồ ăn, hay gạo mua bán. Chúng tôi âm thầm tổ chức một cơ cấu lãnh đạo gồm những người có uy tín để có những hành động thống nhất trong toàn trại. Một vài tên antel bị triệt hạ. Chúng bị đánh và có thương tích trầm trọng, phải đưa lên bệnh xá, hay chuyển trại.

Khi tình hình tương đối an toàn, chúng tôi bắt đầu tổ chức những ngày lễ quan trọng như Quốc Khánh 1/11 và ngày Quân Lực 19/6. Từng nhóm nhỏ tin đồ Tin Lành và Thiên Chúa Giáo cũng cầu nguyện và đọc kinh thánh trong ngày Chúa Nhật. Thật là những ngày đáng ghi nhớ.

Tháng 8/1980 năm đó có một đợt chuyển về Nam đầu tiên. Đội 28 gồm những thành phần trẻ, tranh đấu mạnh nhất, trong đó có những người như Trung Úy Trần Văn Hồng, Đại Úy Mai Văn Tấn, Giáo Sư Nguyễn Đình Cường,.. từ trại A chuyển vào, được hai tháng thì bị đưa ra trại Mễ kiên giam. Nhiều người đã chết ở đây trong đó có anh Hồng và anh Cường... Nhiều người thân tàn ma dại, bệnh hoạn sắp chết được chúng đưa trả lại trại A Nam Hà trong đó có anh Tấn...

Trên đường về Nam (12/1980)

Sau mùa Giáng Sinh năm đó, 600 người cũng từ trại B được chuyển về Nam trong đó có tôi. Thật là một điều vui mừng và hạnh phúc.

Chúng tôi lên xe từ Trại B (Nam Hà), đi ngang qua Trại A, qua Trại C rồi men theo con đường cũ kỹ nham nhở vùng Chi Nê, Thanh Liêm, qua thị trấn Phủ Lý rồi đoàn xe dừng lại ở nhà ga Bình Lục. Bây giờ là nửa đêm và đoàn tàu đã chờ sẵn ở đây. Chúng tôi lần lượt gồng gánh lên tàu. Một số ngồi dưới sàn, một số ngồi trên ghế. Toa tàu như một phòng giam lưu động, cửa đóng kín và cài then từ bên ngoài. Theo thủ tục của công an thì bất cứ cuộc di chuyển nào cũng phải còng tay hai người làm một. Không phải còng inox của Mỹ mà là còng

nội hóa nhiều cái đã rỉ, không co giãn theo cổ tay lớn nhỏ mà chỉ có một cỡ. Người nào cổ tay lớn thì bị còng siết chặt đau điếng. Tuy thế chúng tôi cũng tìm cách mở ra cho được thoải mái.

Đoàn tàu bắt đầu khởi hành sau nửa đêm. Ai nấy cũng đều vui mừng. Quay quần hút thuốc lảo và kể lại chuyện ngày xưa. Chỉ có những anh chàng Bắc Kỳ di cư, mới theo dõi để tìm lại những nơi chốn cũ. Nhiều người vẫn còn nhớ những nhà ga chính như là Bim Sơn, Thanh Hóa, Quỳnh Lưu, Cửa Lò, Vinh, Hà Tĩnh, Đồng Hới...

Khi đoàn xe bắt đầu vượt qua Hồ Xá (Vĩnh Linh), lòng chúng tôi bắt đầu xúc động. Như một người bị lưu đày trở về lại quê xưa, lòng ai cũng bồi hồi xúc động.

Tàu đã qua cầu Hiền Lương trên sông Bến Hải, tiến vào vùng Gio Linh.

Đây mới là quê hương của tôi. Đây mới là những vùng đất mà chúng tôi đã đổ máu ra để mà bảo vệ. Đây là căn cứ A2 trên một ngọn đồi cao nhìn xuống vùng Trung Lương nghèo nàn xơ xác đang ở bên trái tôi. Đây là căn cứ Pháo Binh C1 với những căn hầm đầm âm mà anh Để, anh Cang, và những sĩ quan thuộc Tiểu Đoàn 9 TQLC tụ họp vui vầy trong những ngày Tết năm 1972. Rồi cây cầu Đông Hà nơi Tiểu Đoàn 3 TQLC đã chặn đứng được sức tiến quân của VC trong mùa Hè đỏ lửa năm 1972.

Tôi chạy qua trái rồi qua phải để nhìn những kỷ niệm của mình và của anh em mình. Tôi muốn kể cho họ nghe chiếc cầu đã gãy trên sông Thạch Hãn. Tôi muốn nhắc lại những ngày vui mừng đón bạn bè trở về trong lao tù Cộng Sản trong ngày trao trả tù binh sau ngày ngưng bắn 27/ 1/ 1973. Chúng tôi đã cầm tay nhau vui mừng khi ngọn cờ vàng ba sọc đỏ tung bay trên cổ thành Quảng Trị đã được tái chiếm bởi hai lực lượng hùng mạnh nhất của Quân Lực VNCH là Nhảy Dù và Thủy Quân Lục Chiến.

Cái ngày Sư Đoàn TQLC tái chiếm Cổ Thành Quảng

Tri (15/9/1972), nổi mừng vui biết nói sao cho vừa. Những chiến tích làm sao mà quên được. Trong lòng những người lính miền Nam, ngọn cờ vàng ba sọc đỏ vẫn mãi mãi tung bay:

*Cờ bay, cờ bay oai hùng trên thành phố thân yêu,
Vừa chiếm lại đêm qua bằng máu..*

Đoàn tàu lặng lẽ đi qua dòng sông Hương, qua cầu Bạch Hổ nhưng vẫn không dừng lại ở ga Huế. Có quá nhiều kỷ niệm trên những đoạn đường đi qua.

Phú Lương, Bạch Mã, Lăng Cô, đèo Hải Vân, Nam Ô, Đà Nẵng, Quảng Nam,... Rồi đoàn tàu đi qua Đức Phổ, Mộ Đức, Tam Quan, Phù Mỹ,...

Trại Hàm Tân (Z30D).

Đoàn tàu dừng lại ở ga Diêu Trì (Bình Định), 300 anh em ở những đoàn tàu phía sau xuống tàu. Họ được đưa lên xe, theo Quốc Lộ 19 về trại Gia Trung (Gia Lai Kon Tum). Rồi đoàn tàu tiếp tục qua các ga Văn Canh, Tuy Hòa, Vạn Giã, Diên Khánh, Ba Ngòi, Cà Ná, Mường Mán và cuối cùng dừng lại ở ga Gia Ray (Xuân Lộc). Chúng tôi được đưa lên xe về trại Z30D (Hàm Tân). Đây là Căn Cứ 5 của quân đội Đồng Minh cũ, dọc theo Quốc Lộ 1, nằm gần mật khu Mây Tàu, Long Khánh. Một trại giam khá đông đảo tù nhân, hơn 6.000 người, chia làm hai khu: Khu cũ và khu mới, ngăn cách nhau bằng hàng rào kẽm gai. Khu mới xây lợp tôn, có bệ nằm bằng ciment, tầng trên bằng ván dày. Phòng vệ sinh tương đối sạch sẽ. Trước đây trại này có một khu dành cho những sĩ quan Nữ Quân Nhân, nhóm tình báo Thiên Nga, và một số hình sự. Bây giờ thì không còn nữa. Đám cán bộ VC ở đây rất hách và cái đám tay sai trật tự cũng làm ra vẻ ta đây có quyền hành như... Về đây tôi được nghe kể lại một cái chết đầy thương tâm của Tr/Tá Huỳnh Văn Lượm, vị cựu Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 9 TQLC mà có thời gian tôi là đại đội trưởng của ông.

Trong tập truyện “*Ở Một Nơi Để Tìm Thấy Thiên Đàng*”, tác giả là anh Huỳnh Văn Phú, người bạn cùng quê, cùng

trường đã viết:

- Không một ai có thể tin rằng Lượm đã vô ý ngã vào chảo nước sôi mà chính anh đã tự chọn cái chết hãi hùng như thế. Suốt 10 năm đói khổ, tuyệt vọng, lê lét trong ngục tù CS, tôi đã từng chứng kiến nhiều cái chết của bạn bè, nhưng không có cái chết nào làm cho lòng tan nát như cái chết của L..

Trong cuộc di tản từ Đà Nẵng về Sài Gòn, anh Lượm là Trung Tá Lữ Đoàn Phó Lữ Đoàn 258 cho Đại Tá Nguyễn Năng Bảo. Anh có người vợ rất đẹp, Tây lai. Theo lời anh Phú thì “vợ Lượm là một thiếu nữ có nhan sắc tuyệt đẹp của một người mang hai dòng máu Pháp – Việt.” Họ lấy nhau năm 1970 và có với nhau hai đứa con, nhưng đứa con đầu lòng của họ phát triển không bình thường. Điều này đã gây cho Anh không ít khổ tâm. Trong suốt bảy năm đi tù ở ngoài Bắc, vợ Anh chưa một lần đi thăm. Đến năm 1983, trong một lần đi thăm của người chị, Anh được biết vợ Anh đã bỏ anh và hai con để lấy một người đàn ông khác. Thật ra trong hoàn cảnh hiện nay cũng có nhiều người vợ bỏ đi lấy chồng khác, hoặc nhẹ dạ nghe lời tuyên truyền của Việt Cộng, hoặc không thể tự mình đứng vững giữa cuộc đời thay quá đột ngột và những sự phũ phàng của cuộc sống. Đã có lần anh cay đắng khi so sánh:

- Giữa đàn bà và loài hoa có sự tương đồng. Những loài hoa có màu sắc rực rỡ thường không có hương, mà chỉ có những loài hoa có màu sắc đơn giản như hoa Dạ Lý Hương hay hoa Ngọc Lan mới tỏa hương. Người đàn bà cũng thế, người có nhan sắc tuyệt trần thì thường ít có đức hạnh, nghĩa là ít có cái nết... Tao biết vợ tao đẹp, có sắc nhưng phần đức hạnh e rằng phải xét lại...”

Đó là nỗi buồn phiền rồi tuyệt vọng đã đưa đến cái chết của anh và cũng là nỗi xót xa của những người đàn ông trong những hoàn cảnh tương tự.

Chúng ta hãy nghe một bài hát thật đau lòng của một người trước khi từ giã cõi đời, anh Lượm đã viết và đã hát, mặc dầu anh không phải là nhạc sĩ và ca sĩ:

*Chúa nói yêu ta,
Mác nói yêu ta,
Em cũng nói yêu ta
Chúa hứa hẹn một Thiên Đàng,
Mác hứa hẹn một vườn hồng,
Em thì hứa yêu ta suốt đời.
Nhưng ..
Thiên đàng chưa tới,
Vườn hồng chẳng thấy,
Chỉ có máu, mồ hôi, nước mắt
Những vòng kềm gai và hận thù.
Còn em thì mãi mãi...
Mãi mãi bỏ ta đi lấy chồng...*

Bài hát mang âm điệu của một bài thơ với nỗi niềm xót xa, bi thảm và chán chường.

Nửa tháng sau chúng tôi được thăm nuôi. Tôi rất vui mừng gặp lại vợ và hai con. Tuyệt bây giờ đã khá hơn, không còn quá ốm như hồi đi thăm ở ngoài bắc. Cường đã lên 10 tuổi, còn Thảo thì tám tuổi. Thảo từ xa đã chạy tới ôm lấy tôi. Con bé thật nhanh nhẹn và xinh đẹp! Cường thì vẫn e dè nhút nhát. Thăm ở đây ít bị kiểm soát hơn nhưng thời gian cũng chẳng có được là bao.

Cuộc nổi dậy phản đối ở trại Hàm Tân – Z30D (A và B).

Đám chèo ở đây cũng hách dịch hơn. Chúng cho rằng việc chúng tôi được chuyển về Nam là một đặc ân. Mỗi buổi sáng lao động phải cung cấp buổi ăn sáng và thuốc lá cho đám quân giáo và vệ binh. Chúng tôi rất bất bình và quyết định không làm việc đó. Nếu có sự ức hiếp tại hiện trường lao động thì chúng tôi đồng loạt phản đối. Sự đoàn kết của chúng tôi bao giờ cũng làm đám chèo ngần ngại.

Một hôm đi lao động về các đội tập hợp trước công chòi vào trại. Một tên vệ binh ngồi ở chòi gác trên cao ra lệnh cho

tất cả bỏ mũ nón khi đi qua trước mặt hắn. Những người đi đầu không làm công việc đó. Hắn chặn lại. Chúng tôi đồng loạt ngồi xuống trước công để phản đối. Tên vệ binh rất tức giận và mất bình tĩnh, hắn bắn một loạt trước những người đi đầu. Sỏi đá văng tứ tung, trúng vào cánh tay của anh Lê Văn Bút, Tr/Tá Không Quân.

Chúng tôi rất phẫn nộ, cùng la lên dữ dội. Tên trực trại phải can thiệp. Đám chèo lúc đầu cũng hoàn toàn bất ngờ trước những phản ứng mạnh bạo của chúng tôi. Tên trực trại yêu cầu chúng tôi vào trong trại và khóa cổng lại.

Chúng tôi cũng họp ngay Ban Tổ Chức và ra quyết định. Việc đầu tiên là không vào buồng đêm đó và sau khi cơm nước xong chúng tôi tập họp toàn bộ ra giữa sân, yêu cầu trại trưởng xuống giải quyết. Đêm đó, chúng cùng hát những bản đồng ca, những bài nhạc Chính Huấn, những bản tù khúc và đọc những bài thơ đấu tranh. Hơn 3.000 người, kể cả gần 600 người sẽ được thả vào ngày mai cũng tham gia vào cuộc tranh đấu của chúng tôi.

Hơn 5 năm trong tù Cộng Sản, chúng tôi chưa bao giờ được ca hát những bài ca rất ý kỵ đối với chúng nó. Mọi người đa số đều hào hứng, nhất là những anh em trẻ. Chúng tôi đặt những vọng gác chung quanh để kịp thời báo động những diễn tiến bên ngoài. Một toán đi tuần tra chung quanh để kịp thời ngăn chặn những hành động quá khích như đốt trại, phá trại giam,... Bên ngoài lực lượng của chúng cũng được điều động và tăng cường. Những ổ súng cộng đồng đặt trên những tháp cao chĩa thẳng vào bên trong. Có tiếng xe tank được chuyên tới...

Buổi sáng chúng tôi vẫn có mặt toàn bộ tại sân. Biểu tình ngồi bất bạo động. Trại trưởng là tên Tr/ tá Công An Đoàn Mạnh không xuất hiện nhưng đám cán bộ trực trại và văn hóa có mặt để tìm hiểu nguyện vọng và yêu cầu. Chúng hứa sẽ đưa nguyện vọng lên cấp trên.

Qua một ngày và một đêm, nhiều người có vẻ mệt mỏi,

nhất là vào buổi trưa nắng và nóng. Nếu tiếp tục cuộc tranh đấu sẽ có những diễn tiến bất lợi. Chúng tôi cùng nhận định trong cuộc chơi không cân bằng, nếu tiếp tục sẽ thất bại và nguy hiểm. Thế này là đủ rồi. Địch cũng biết được một phần nào ý định của chúng tôi. Sau lần yêu cầu của tên trực trại vào buổi chiều, chúng tôi trở về buồng và sinh hoạt bình thường.

Ba ngày sau đám cán bộ chấp pháp từ thành phố xuống mở cuộc điều tra. Đây cũng là dịp để chúng tôi được nói lên toàn bộ những sai sót, những việc làm sai trái của những tên cán bộ. Dĩ nhiên trong bất cứ chế độ nào cũng có những nhân sự hành động sai. Dĩ nhiên chúng tôi biết rất rõ Cộng Sản khó mà bỏ qua những sự kiện trình bày trong ngày hôm nay mà chúng sẽ cho đó là những hành động và những lời nói có tính cách phá hoại. Nhưng chẳng thà được nói một cách danh chính ngôn thuận như thế này vẫn hơn.

Tên cán bộ chấp pháp ngồi nghe, ghi chép và cuối cùng hẳn nói sẽ chuyển những ý kiến này lên cấp trên để giải quyết nghĩa là để có những biện pháp kỷ luật tối đa. Đối với Việt Cộng những biến cố trong những ngày qua không đơn giản, hay đơn thuần là những sự kiện bất bình bộc phát. Chúng muốn tìm những tổ chức thúc đẩy phía sau và những cá nhân lãnh đạo. Khi phát biểu những ý kiến trên tôi cũng đã chấp nhận những hậu quả cho mình. Không phải là một hành động anh hùng cá nhân mà là nổi bực tức thoát ra từ những dồn nén, căm giận từ lâu. Nhiều anh em như anh Nguyễn Đăng Tấn, Trung Tá Pháo Binh Sư Đoàn 21 BB, anh Huỳnh Văn Hồng, Trung Tá, cũng thẳng thắn nói lên những suy nghĩ của mình. Một điều chúng tôi biết rất rõ những tên chấp pháp ghi nhận những ý kiến đó không phải để tìm cách sửa sai mà là những lá những dữ kiện để chúng chụp mũ chúng tôi. Cũng chẳng sao. Sao bao năm trong những nhà tù VC, chúng tôi vẫn giữ vững tinh thần Quốc Gia và những lý tưởng đấu tranh của mình.

Cũng cần nói thêm cuộc tranh đấu của khu A đã lan tới khu B của Z30D. Và nó cũng lan tới trại Z30C ở Căn Cứ 4.

Kết quả “mười ba con ma” của trại A cùng một số ở trại B và Z30C được đưa về kiên giam tại khu xà lim Chí Hòa. Đó là biện pháp kỷ luật đầu tiên.

Xà Lim Chí Hòa, Khu ED.

Buổi sáng của một ngày sắp Tết, tất cả tập hợp tại sân để chuẩn bị đi lao động. Tên cán bộ trực trại đọc trước một danh sách của những người ở nhà để làm việc. Chúng tôi đều nghĩ cái ngày ấy đã đến rồi. Tất cả đều rất bình tĩnh, chuẩn bị đồ đạc gọn gàng. Vì là mới thăm nuôi nên quà cáp hơi nhiều. Cũng may nếu đến trại mới thì cũng một thời gian nữa mới được thăm. Chúng tôi lại bị còng tay, đưa lên xe buýt bùng chở vào buổi trưa 29 Tết.

Mười ba người mà bây giờ tôi đều nhớ hết, gồm có các Anh: Vũ Xuân Thông, Hoàng Bá Tất, Nguyễn Nghiêm Tôn, Nguyễn Đăng Tấn, Hoàng Vũ Duyên, Nguyễn Văn Châu, Đỗ Đức Thiện, Kiều Công Cự, Nguyễn Hữu Tài, Huỳnh Văn Hồng, Nguyễn Tiến Linh, Nguyễn Phúc Thọ, và Lê Văn Huỳnh. Tuy ngồi trong xe buýt bùng nhưng chúng tôi vẫn theo dõi lộ trình cái trại giam mà mình sẽ tới. Đoạn đường đất từ đây ra đến Quốc Lộ I khoảng năm cây số theo hướng Đông Tây. Ra tới đường nếu quẹo phải thì ra những trại ở miền Trung còn quẹo trái thì về những trại ở miền Nam. Chúng tôi vẫn ao ước chiếc xe quẹo trái.

Mà xe quẹo trái thiệt. Lại bàn tán xôn xao. Về Cà Tum, Tây Ninh hay một trại hắc ám nào đó... cũng được. Anh chàng Huỳnh, gọi là Huỳnh rền, và Châu – Campuchia, chung một khóa ngồi ở ngoài cùng đã táy máy gỡ được tấm bạt. Gió nóng từ bên ngoài thổi vào và chúng tôi thấy chiếc xe đang chạy trên xa lộ Biên Hòa. Đang thẳng về hướng Sài Gòn. Một người nào đó buộc miệng kêu lên: Chí Hòa. Tất cả ò lên một tiếng vui mừng. Rồi chiếc xe chạy qua cầu Phan Thanh Giản, qua Chợ Đa Kao, theo đường Hiền Vương rồi quẹo lên đường Lê Văn Duyệt. Con đường này rất quen thuộc với tôi. Gần đến rạp chiếu bóng Thanh Vân chiếc xe quẹo trái đi vào đường

Chí Hòa. Đúng là vào trại giam Chí Hòa. Đa số chúng tôi đều có nhà ở gần đây thôi.

Trại Chí Hòa, được xây dựng từ thời Nhật, nằm ngay trung tâm Sài Gòn, có hình bát giác nên người ta còn gọi là Lò Bát Quái gồm một tầng trệt và ba tầng lầu. Nơi đây dùng để nhốt những tội đại hình, chung thân và tử tội. Những nhân vật quan trọng trong nội các của chế độ cũ được nhốt ở đây như cựu Thủ Tướng Phan Huy Quát, ty phú Nguyễn Đình Quát, các ông Bộ Trưởng Ngô Khắc Tịnh, Ngô Khắc Tinh, Hồ Văn Cham, kể cả Đại Tá Nhạc Sĩ Nguyễn Văn Đông cũng bị nhốt ở đây... Chúng tôi đến vào buổi trưa nên phải ngồi đợi bọn cán bộ đi ăn về rồi mới bày hàng ra khám xét. Bị mất đi một số đồ vật và thức ăn. Rồi kê tên từng người dẫn đi. Đa số mỗi người đều nhốt trong một phòng. Tôi cũng vậy, trong một phòng ở lầu hai thuộc khu ED.

Trong bài viết “*Trong Bóng Tối Xà Lim Chí Hòa (29/1/1981)*” tôi đã ghi lại rất kỹ. Đời sống xà lim thật là gay go lúc ban đầu. Một ngày 24 tiếng đồng hồ. Thời gian thì quá dài. Ngày và đêm nhiều khi khó phân định. Nhiều khi lấy ngày làm đêm và lấy đêm làm ngày. Cuộc sống không bình thường ít nhất cũng trong vòng một tháng đầu. Một thân một mình trong căn phòng âm u thiếu ánh sáng. Lần đầu tiên tôi bị bắt buộc làm người cô đơn. Nội qui không được chuyển trò, không được ca hát. Không gian trống vắng, lòng tôi cũng trống vắng. Trong cái thanh tịnh tuyệt vời tôi để lòng mình lắng xuống để suy nghiệm lại suốt cả cuộc đời mình. Hình ảnh cuộc đời, hình ảnh những người thân yêu trở về đầy ắp trong gian phòng. Niềm tin tôn giáo là một sức mạnh vô biên. Chúa đã ở cùng tôi. Tôi không còn cô đơn trong căn phòng tăm tối này nữa. Tôi đã đứng dậy bước đi như tên tù Papillon của Henri Charrière. Tôi đã ngồi tham bích diện tường như một nhà sư Thiếu Lâm thực sự để tìm sự bình an mà Chúa đã ban cho tôi, để thấy Ngài đã gìn giữ tôi trong suốt cuộc đời chinh chiến, cũng như suốt trong những ngày lao tù. Tôi cũng cầu nguyện để Người ban cho tôi trái tim không còn hận thù, căm

giận. Nhưng tôi biết điều này không phải là dễ dàng.

Những ngày sau đó rồi cũng quen đi trong cái không khí âm u tăm tối này. Chúng tôi đã tìm cách liên lạc với nhau, để biết người bên phải bên trái mình là ai. Nhờ những đường ống dẫn nước mà tôi liên lạc hàng ngang bên trái mình là anh Nguyễn Đăng Tấn, bên phải mình là Hoàng – Thánh Giá. Nhờ đường cống cầu tiêu mà tôi biết người đang ở trên đầu tôi là Hoàng Vũ Duyên. Chúng tôi không còn cô đơn nữa. Bọn cán bộ tìm mọi cách để rình rập và nghe lén. Có lần tôi bị còng hai chân trong vòng 10 ngày vì hát một mình trong phòng. Cũng có nhiều biến cố xảy ra ở đây mà tôi đã ghi lại trong bài viết đã nói ở trên.

Khẩu phần hằng ngày là một chén cơm trộn một chén bắp và một chén nước canh. Cơ thể thiếu muối trầm trọng. Bên ngoài vợ tôi rất lo lắng vì việc chuyển trại của tôi. Tin lành thì ít mà tin dữ thì nhiều. Nhiều người nói là chúng tôi bị đem đi thủ tiêu sau cái đêm chống đối. Sau đó nhờ móc nối với một tên cán bộ văn hóa của trại Chí Hòa mà vợ tôi đã biết tin tức của tôi. Đó cũng là thời gian mà vợ tôi, rồi hai con tôi và nhiều người bên vợ tôi đã đặt niềm tin vào Cứu Chúa Jesus. Thật là một điều vui mừng lớn nhất trong đời tôi. Tôi hết lòng cảm ơn Ngài.

Gần một năm sau chúng tôi được nhận quà của gia đình nhưng không được thăm gặp. Sau khi nhận quà lần thứ hai chúng tôi chuyển trại sau 16 tháng ở xà lim Chí Hòa.

Trại Xuân Phước (Z20A Phú Khánh).

Phân Trại A.

Tháng 5/1983 chúng tôi được chuyển từ trại kiên giam Chí Hòa về trại kỷ luật Xuân Phước (Phú Khánh) thuộc huyện Cùmg Sơn, Tuy Hòa. Trại này còn gọi là A20. Cùng đợt chuyển trại có những nhân vật đặc biệt như các ông cựu Bộ Trưởng Thông Tin Chiêu Hồi Hồ Văn Châm, Tư Pháp Ngô Khắc Tịnh, Giáo Dục Ngô Khắc Tinh; Ông Bùi Văn Hải, Chánh

Văn Phòng Tổng Thống Ngô Đình Diệm, cựu Thiếu Tướng Cao Đài Lê Văn Tấn,.. và nhiều nhân vật quan trọng khác. Trong số này có Hoàng – Thánh Giá. Tôi không biết rõ anh chàng này là người như thế nào, nghe đâu hẳn là người chủ chốt trong vụ chống đối ở nhà thờ Vinh Sơn trên đường Trần Quốc Toản. Ra đến trại Xuân Phước, Hoàng bị đưa ngay vào trại kỷ luật, sáu tháng sau mới được đưa ra sinh hoạt tập thể.

Riêng 32 anh em quân đội và cảnh sát chúng tôi từ các trại Z30D và Z30A, bị chúng gom lại một đội và gọi là Đội Sĩ Quan Chống Đối và do anh Nguyễn Văn Dũng, gọi là Dũng Răng Vàng, Thiếu Tá, Khóa 17 Đà Lạt làm đội trưởng.

Trại Xuân Phước được gọi là trại giam trung ương, do Bộ Nội Vụ Cộng Sản điều động trực tiếp. Trại chuyên nhốt tù chính trị chung thân, tù hình sự có án từ 10 năm trở lên. Một số tay anh chị từ chế độ cũ còn lưu giữ từ Phú Quốc và vùng kinh Năm (U Minh). Một số sĩ quan nổi dậy trong trại Suối Máu trong đêm Giáng Sinh năm 1978. Và lâu nhất là số người còn sót lại từ vụ tàu Việt Nam Thương Tín trở về từ đảo Guam năm 1975. Cũng có một số nhân vật đặc biệt như Chương Môn Vovinam Lê Sáng, Chủ nhân hãng Alpha Phim. Rất nhiều Sĩ Quan Tuyên Úy Thiên Chúa, Tin Lành, Phật Giáo,.. nói chung đây là một trại giam những thành phần đặc biệt. Trại gồm ba phân trại A, B, C.

Chúng tôi đến Xuân Phước vào khoảng tháng Năm, khi miền Nam trung bộ nắng như đổ lửa. Tù nhân đi làm không được mang giày dép. Đôi chân trần trên những đoạn đường đá sỏi và nóng hừng hực. Chúng tôi nhất quyết tranh đấu để toàn trại đi làm được mang giày dép. Chính vì vậy mà hơn một tháng sau, chúng tôi được chuyển vào trại B.

Phân Trại B.

Trại ở dưới một cái trũng thấp, chung quanh là núi. Một con suối rộng chảy dưới chân những ngọn đồi. Vào tháng Mười nước từ các triền đồi đổ xuống gây cảnh lụt lội. Con

suối mùa này trông rộng như một con sông. Những người đi thăm nuôi thường muốn những người dân địa phương chở qua bằng ghe nhỏ. Nhà thăm nuôi ở trên một đồi cao, chung quanh trồng khoai mì. Trại này chuyên trồng mía và nấu đường. So với những ngày ở trong xà lim Chí Hòa thì ở đây hạnh phúc hơn nhiều. Tôi được thăm gặp nhiều lần. Vợ tôi dẫn Cường Thảo ra thăm. Chị Ba tôi với anh Trì, anh Lang tôi về năm 1982 cũng ra thăm. Đời sống tương đối dễ chịu.

Đôi với những sĩ quan chúng tôi trại có vẻ tôn trọng hơn. Hơn hai mươi người chúng tôi được đưa xuống nhà bếp thể cho đám hình sự. Tôi được chỉ định làm đội trưởng. Tuy nhiên người quản lý kho lại là một người tù hình sự. Hắn có tên là Huỳnh Văn Thơm, khoảng 60 tuổi, người miền Nam, tánh tình xuề xòa. Cấp bậc trong quân đội Việt cộng của hắn là trung tá. Sau 30/4/1975 đơn vị hắn tiếp quản Sài Gòn, và là đàn em của Trần Văn Trà nên được làm Chủ Tịch quận 5. Năm 1976 trong chiến dịch đánh tư sản hắn ẵm được một số vàng khá lớn, khoảng trên 500 cây, theo lời hắn kê, đem về quê ở Mỏ Cày cát kỹ. Có lẽ ăn chia không đồng đều, hắn bị tố, bị nhốt ở Tổng Nha Cảnh Sát, rồi bị đưa ra tòa kêu án 12 năm. Tính đến nay hắn tù được hơn năm năm, nhờ có 40 tuổi đảng nên năm nào hắn cũng được giảm án. Hắn rất bằng lòng công việc làm của mình và thường tâm sự rất tách bạch không dấu diếm:

- Mình đi theo cách mạng hơn 40 năm từ hồi còn đi chăn trâu, rồi giác ngộ đi bộ đội, chẳng được cái con mẹ gì hết. Bậy giờ có cơ hội kiếm chút đỉnh dưỡng già chứ. Mình có ăn cắp của ai đâu. Ở tù sướng chán còn hơn ở trong rừng, trong rú...

Tôi ở trại này được hơn hai năm. Những ngày sau cùng chứng kiến hai cái chết thật tội: Th/Tá Nguyễn Ngọc Chất và Th/Tá Nguyễn Văn Châu.

Ông Chất ở trong đội nhà bếp. Ông nhỏ con nhưng rất lanh lẹn và khỏe mạnh, tánh tình cương trực hay giúp đỡ những người gặp khó khăn. Mỗi lần đi lãnh gạo ông đều tình nguyện đi theo. Ông nói đi ra ngoài thoáng hơn. Thường một

tháng đi lãnh gạo một lần. Tôi cắt cử sáu người đi theo Sáu Thơm. Đáng lẽ Thơm đi theo để cân, nhưng hắn làm biếng nên bảo tôi đi giùm. Đến kho tôi nắm bàn cân, còn sáu người còn lại vào khiêng gạo bỏ lên mâm. Đang làm ông Chất bảo tôi sao thấy chóng mặt quá. Tôi bảo ông lại đằng kia ngồi nghỉ đi. Xong xuôi tôi thể ông đẩy xe với Hoàng queo. Ông Chất lẻo đẻo theo sau nhưng dáng điệu rất mệt. Chúng tôi bàn nhau san bớt gạo qua hai xe, rồi để ông lên ngồi xe ít hơn. Ông Chất nhỏ con và trọng lượng khoảng 40 kg. Về đến trại chúng tôi chở thẳng ông xuống trạm xá. Nửa giờ sau người trạm xá lên lãnh cơm báo là ông Chất đã chết vì động tim. Cái chết đến thật mau mắn và nhẹ nhàng. Ông đã được chôn trên đồi khoai mì phía sau trại cùng với những người bạn đã nằm xuống.

Người thứ hai là Nguyễn Văn Châu, T/Tá, Trưởng Phòng 2 SĐ/TQLC, dân Mỹ Tho, nước da ngăm ngăm, có biệt danh là Châu Campuchia. Lập trường Quốc Gia rất vững chắc và rất căm ghét CS. Nhiều khi ông bộc lộ một cách quyết liệt, mạnh bạo trước đám chèo. Châu là người bạn cùng tranh đấu với tôi từ trại Nam Hà, rồi về Hàm Tân và xà lim Chí Hòa, rồi ra Xuân Phước cùng ngày. Vì là cùng binh chủng cho nên chúng tôi rất thân nhau. Trước 30/4/1975 Châu là một sĩ quan có năng lực, có chuyên môn cao, tánh tình thẳng thắn, trung thực. Vào tù, ông cũng cất cao đầu, không mặc cảm, không tự hạ trước kẻ thù. Thái độ của Châu nhiều khi làm cho bọn cán bộ rất bực mình. Trong cuộc tranh đấu tại trại Hàm Tân, Châu đã chứng tỏ cho bọn chấp pháp thấy được sự kiên cường bất khuất của một SQ/QLVNCH. Trong trại tù Cộng Sản đã có những SQ/TQLC rất đáng được tôn trọng và vinh danh như: Mai Văn Tấn, Phạm Cang, Lê Quang Liễn, Trần Văn Loan, Võ Đăng Phương, Nguyễn Kim Chung...

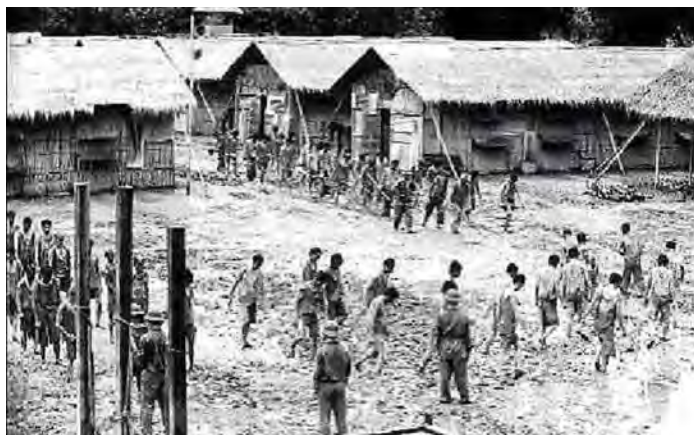
Cuộc sống của Nguyễn Văn Châu đang bình thường thì cơn bệnh sơ gan cổ chướng bộc phát và bác sĩ ở trạm xá cho biết đã đến thời kỳ trầm trọng. Chỉ trong vài ngày mà những triệu chứng lộ hẳn ra bên ngoài như nước da vàng bệch, lòng trắng của mắt biến thành màu vàng bệch, nước tiểu

cũng vàng. Anh em trong trại gom toàn bộ trụ sinh cho Châu nhưng đã trễ quá rồi. Châu được khiêng lên bệnh xá của liên trại và sau đó được chuyển ra bệnh viện Phú Khánh. Châu đã mất ở đây. Lần đầu tiên tôi nghe thấy bọn chúng cho phép thân nhân đem xác Châu về chôn ở Mỹ Tho.

Những ngày sau cùng trong tù CS.

Những ngày đầu năm 1985 tại trại B Xuân Phước, đội nhà bếp chúng tôi thường xuống đi làm khi trực trại vừa mở cửa vào buổi sáng. Sau khi phát phần ăn sáng cho trại, kể cả những người ở khu kiên giam. Hôm nay tên quản giáo vào sớm và cho lính nhà bếp chỉ để lại một người ở lại nấu nước còn bao nhiêu tập hợp lên hội trường.

Cả trại được lệnh tập trung lên hội trường. Đám cán bộ và vệ binh cũng có mặt đầy đủ. Tôi linh cảm như có một cái gì đó bất thường.



Sau khi mọi người ổn định vị trí, tên trại trưởng đọc một bài diễn văn muôn thuở về đường lối của đảng và nhà nước. Rồi hắt ngừng một lát, đưa mắt nhìn mọi người rồi hắt đi thẳng vào vấn đề:

- Hôm nay tôi sẽ đọc ba danh sách: Những người được chuyển trại, những người tiếp tục học tập “cải tạo” tại trại, và những người được tha... Những người có tên trong danh sách

nào thì khăn trương thu dọn đồ đạc và ra xe...

Cái tiếng được tha làm mọi người xông xáo lo lắng. Mình đang ở trong danh sách nào đây. Tôi cố gắng trấn tĩnh, nhưng những hồi hộp lo âu không dấu được. Miệng thấy lạt lẽo và thèm một hơi thuốc. Tôi móc bọc thuốc rê và giấy ra để quán. Hai bàn tay rung lên nhẹ nhẹ. Gần 10 năm rồi. Không biết đã đủ chưa. Cả hội trường cũng im lặng chờ đợi tên của mình. Những người được gọi tên trong danh sách chuyển trại này có vẻ thất vọng. Họ đứng dậy nói lời từ giã bạn bè rồi lặng lẽ bước đi.

Đợi cho đoàn xe chạy rồi tên trại trưởng bắt đầu đọc danh sách thứ hai, nhưng lần này hẳn đổi lại đọc danh sách những người được tha. Mọi người ồ lên một tiếng vui mừng và hy vọng. Điều thuốc trên tay tôi vẫn vẫn chưa xong thì tên tôi được đọc lên. Tôi thần thờ đứng dậy. Lòng xúc động muốn khóc hết sức. Người bạn ngồi bên cũng có tên. Nó kéo tay tôi đi. Tôi đưa bọc thuốc rê cho một người nào đó mà bây giờ tôi vẫn không nhớ ra. Nguyễn Phú Tài, Hoàng Vũ Duyên, Trần Văn Châu, Hoàng Bá Tất, Vũ Xuân Thông, Nguyễn Đăng Tấn, cả các ông Hồ Văn Châm, Ngô Khắc Tịnh, Ngô Khắc Tĩnh, Lê Văn Tất,.. Cái đội gồm những sĩ quan chống đối từ xa lim Chí Hòa về đây, đa số đều được về... Chúng tôi trở về lán trại, thu dọn đồ đạc. Thật ra tôi chỉ lấy bộ quần áo dân sự mà hôm trước thăm nuôi vợ tôi đã đem ra, một vài món cá nhân. Còn bao nhiêu đồ ăn, quà cáp để lại cho bạn bè. Tất cả được đưa lên một chiếc xe Molotova để ra Trại A cũng là cơ quan của tổng trại để nhận giấy ra trại và nhận tiền đi đường. Gần hai giờ chiều thủ tục mới xong xuôi. Chúng tôi được chở ra Tuy Hòa và xuống xe ở một nhà ga xe lửa gần nhất. Nhiều người lên một chuyến tàu chợ sau cùng để về Nam. Tôi theo một số người đi ngược về Đà Nẵng. Tôi muốn về thăm Má và Hai Chị tôi trước khi về Sài Gòn cùng với gia đình nhưng phải chờ đến sáng mai mới có chuyến tàu ngược Bắc. Nhiều người nóng lòng quá giang xe đò, xe tải...

Đêm nay trăng thật sáng, ánh trăng chảy tràn đầy trên

muôn vật cũng như tấm lòng thật hạnh phúc của chúng tôi lúc bấy giờ. Có ba người tù vừa mới được ra trại đang chờ tàu. Những người dân ở đây nhìn vào là biết ngay chúng tôi là ai. Họ hỏi chúng tôi tối nay định ngủ lại ở đâu? Tôi nghĩ chắc ở ngay trên sân ga này chứ còn ở đâu. Một người đàn ông trung niên bảo về nhà ông ấy mà ngủ. Cũng chẳng có gì để làm phiền người ta. Với lại đêm nay chắc khó ngủ. Chúng tôi cảm ơn rồi rủ nhau đi tìm một cái quán ăn tối. Tô bún bò Huế thật ngon với một ly trà đá. Chủ quán nhất định không lấy tiền, lại còn tặng mỗi người một gói thuốc lá. Người dân miền Nam vẫn còn nhớ đến những người lính chiến năm nào. Mặc dầu bây giờ đã sa cơ thất thế nhưng cái phong thái, cái tư cách của một người lính của Quân Lực VNCH năm xưa vẫn còn đó.

Chúng tôi trở lại nhà ga. Không có một ai. Tất cả đều vắng vẻ. Tôi đến ngồi bên tam cấp nhìn trăng sáng lung linh. Tôi nghĩ đến những ngày tháng trong tù. Tôi bước vào tù ở cái tuổi 33, cái tuổi sung sức nhất. Tôi ra tù ở cái tuổi 43. Kể cũng còn đủ ý chí và sức lực để làm lại một cái gì. Thế là tôi đã trải qua 9 năm 6 tháng 10 ngày trong 13 trại tù của Việt Cộng mà chúng gọi là những trại “học tập cải tạo”.

Thật ra tôi không muốn tranh luận về bốn tiếng vô nghĩa đó. Chỉ có một điều khó tin nhưng có thật là hàng trăm ngàn sĩ quan và viên chức của VNCH đã tự động, hay tình nguyện đi vào cái bẫy sập của Việt Cộng. Những người miền Nam còn quá nhiều thơ ngây đối với bọn cáo già Việt Cộng, hay là chúng tôi không còn con đường lựa chọn nào khác? Cũng có nhiều người bỏ nước ra đi, cũng có nhiều người tìm cách chống lại, nhưng tất cả đều vô vọng, chỉ làm cho chiếc còng số 8 càng siết chặt thêm. Còn đường lối và chủ trương của Việt Cộng thì đã có sẵn theo đúng lý thuyết của bọn chúng và đã được Phạm Văn Đồng nhắc lại trong một cuộc họp nội bộ:

- “Đối với những viên chức và sĩ quan của ngụy quân và ngụy quyền, chúng ta không nên giết ngay để mang tiếng với thế giới. Chúng ta chỉ cần cho chúng ăn thật ít và bắt làm việc thật nhiều. Như thế cũng đủ giết chúng một cách thâm hiểm.”

Trên thực tế, những điều này đã được áp dụng một cách triệt để bằng những hình thức đày ải đến những vùng lam sơn chướng khí, giam cầm tra tấn trong những phòng giam tăm tối và lâu dài, bắt lao động khổ sai, hạ nhục, đánh đập, kể cả việc bắn giết, thủ tiêu... Tất cả chỉ nhằm một mục đích là tiêu diệt những thành phần đối nghịch bằng những phương tiện dã man và hiểm độc nhất. Nhưng anh em chúng ta đã không chết và sẵn sàng làm nhân chứng để nói lên cho cả thế giới cái bản chất của một chủ nghĩa độc tài, độc tôn, và độc ác. Một chủ nghĩa chỉ biết áp đặt và bạo lực. Một quái thai của thời đại.

Những người bước ra khỏi trại tù VC đều nhận thấy rõ một điều:

Dầu bị phủ nhận, cấm đoán và bôi bẩn, Chính Nghĩa Quốc Gia vẫn cao quý và trong sáng. Chúng ta đã tỏ ra vững vàng hơn bao giờ hết cái lập trường chính trị của mình để từ đó đưa đến một thái độ dứt khoát là “Không chấp nhận, không sống chung với Cộng Sản.”

Bao nhiêu năm sống trong những trại tù CS cho chúng ta nhận diện được cái bản chất hung tàn của chế độ, một tâm địa dối trá, lọc lừa của đám lãnh đạo và tính cách vô luân, hèn hạ của những con người thừa hành. Đó là những tên công an mang nhiều tính chất thú vật hơn là con người.

Đúng là “Ở trong chẵn mới biết chẵn có rận” như ông bà ta đã nói hay “Chỉ có những người ăn chung một cái bát với chúng ta mới hiểu được chúng ta.” Cho nên Việt Cộng chỉ lường gạt được những người nhẹ dạ, cả tin, những người chưa sống qua một ngày trong những nhà tù của chúng.

Sống là tìm kiếm một Lý Tưởng cao cả để tôn thờ, lựa chọn những phương thức và phương tiện để tranh đấu và sẵn sàng đương đầu với mọi trở ngại, khó khăn và thực hiện cho kỳ được Lý Tưởng của mình.

Santa Ana ngày 11/3/2022